

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số: **01**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A V 0003	Nguyễn Đức An	22/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.3	x	5.20	
2	A K 0007	Huỳnh Hoài An	29/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	7.70	Nhi Tiếng Anh
3	A K 0010	Trương Đỗ Quốc An	23/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.3			x	4.90	
4	V A 0012	Nguyễn Gia Vạn An	04/10/2007	Nữ	Kinh	Kon Tum	Trần Phú, Pleiku	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	8.8	x	4.30	
5	A B 0013	Hà Việt An	05/02/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	8.4	Lịch sử	7.7	x	5.20	
6	A K 0014	Lê Bảo Anh	20/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh, Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.6			x	3.80	
7	H A 0016	Phạm Ngọc Bảo Anh	22/11/2007	Nam	Kinh	Thái Bình	Trần Phú, Pleiku	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	8.8	x	3.40	
8	H A 0018	Trần Thị Châu Anh	14/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	9.0	x	5.60	
9	A B 0020	Hoàng Lê Duy Anh	18/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	9.0	x	4.10	
10	T A 0022	Phan Hà Anh	17/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	TH-THCS Bùi Thị Xuân, Pleiku	Toán	8.3	Tiếng Anh	8.8	x	3.70	
11	A V 0023	Nguyễn Ngọc Hải Anh	25/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	8.5	x	1.70	
12	A K 0027	Lê Trần Hoàng Anh	09/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	5.60	
13	V A 0028	Nguyễn Hồng Anh	29/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Ngữ văn	8.3	Tiếng Anh	7.6	x	1.70	
14	V A 0029	Phạm Hồng Anh	07/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Chư Prông	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	8.9	x	1.50	
15	A V 0030	Trần Phạm Hồng Anh	26/02/2007	Nữ	Kinh	Hà Tây	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	8.4	x	4.60	
16	A K 0033	Nguyễn Vũ Kim Anh	10/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	4.50	
17	T A 0036	Nguyễn Lan Anh	21/12/2007	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	Toán	8.7	Tiếng Anh	8.7	x	2.40	
18	A V 0038	Nguyễn Thị Mai Anh	22/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	9.3	x	5.50	
19	V A 0039	Võ Minh Anh	15/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	9.3	x	2.90	
20	T A 0040	Lương Ngọc Anh	28/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	8.3	Tiếng Anh	7.5	x	2.20	
21	A V 0041	Nguyễn Ngọc Anh	20/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.8	x	3.50	
22	A V 0042	Nguyễn Ngọc Anh	01/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Đăk Yă, Mang Yang	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	x	3.00	
23	V A 0044	Vũ Nguyễn Ngọc Anh	01/10/2007	Nữ	Kinh	Quảng Bình	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Ngữ văn	7.6	Tiếng Anh	9.3		1.00	
24	A K 0046	Hoàng Trần Ngọc Anh	16/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	5.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Đỗ Thị Bích Ngọc KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
 Người nhập điểm: Huỳnh N. S. Đức PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: T. N. T. Thanh
 Người soát điểm thứ hai: Huỳnh T. B. T. T. T.

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

02

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A K 0049	Lê Hồ Phương Anh	18/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	3.30	
2	A K 0055	Phạm Phương Anh	23/06/2007	Nữ	Kinh	Quảng Bình	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	3.70	
3	A V 0059	Trần Phương Anh	29/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	7.4	Ngữ văn	8.6		2.60	
4	H A 0061	Võ Quốc Anh	22/11/2007	Nam	Kinh	Quảng Trị	Trần Phú, Pleiku	Hóa học	8.0	Tiếng Anh	8.3	x	2.10	
5	A K 0065	Lê Quỳnh Anh	10/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	7.10	
6	A K 0066	Mai Quỳnh Anh	05/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Tuấn, Đắk Pơ	Tiếng Anh	8.8			x	4.80	
7	A V 0067	Nguyễn Mai Quỳnh Anh	05/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.6	x	7.30	
8	A K 0068	Nguyễn Quỳnh Anh	07/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.8			x	7.00	
9	T A 0072	Trần Thị Trâm Anh	27/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Toán	8.4	Tiếng Anh	8.4	x	2.40	
10	A K 0073	Đoàn Triều Anh	22/07/2007	Nữ	Kinh	Hồ Chí Minh	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	6.60	KK Tiếng Anh
11	A D 0078	Trần Nguyễn Văn Anh	22/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kôngchro	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	7.8	x	5.00	
12	V A 0079	Đặng Thị Văn Anh	04/09/2007	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	7.8	x	4.50	
13	A T 0085	Hoàng Võ Ngọc Ánh	14/04/2007	Nữ	Kinh	Nghệ An	Bùi Thị Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.2	x	6.70	
14	L A 0088	Vũ Hoàng Thiên Ân	17/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Vật lí	6.9	Tiếng Anh	7.3	x	2.30	
15	A L 0089	Bạch Gia Bảo	10/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Vật lí	9.7	x	5.20	
16	A V 0094	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	15/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	x	5.20	
17	V A 0097	Nguyễn Trần Hòa Bảo	29/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	8.2	x	1.00	
18	A K 0099	Trần Ngọc Bảo	24/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi, Chư Puh	Tiếng Anh	9.5			x	7.40	KK Tiếng Anh
19	A K 0107	Phạm Trần Khả Băng	23/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	4.90	
20	A V 0108	Phạm Khánh Băng	24/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	7.8	x	4.30	
21	A T 0109	Trương Công Bằng	05/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.4	Toán	9.0	x	2.40	
22	A V 0113	Văn Ngọc Thanh Bình	25/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	x	3.30	
23	A K 0116	Nguyễn Văn Cảnh	24/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.2			x	2.60	
24	A D 0121	Nguyễn Ngọc Minh Châu	11/12/2007	Nữ	Kinh	Bình Dương	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Địa lí	9.2	x	3.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Nguyễn Văn Long KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Người nhập điểm: Nguyễn Văn Long PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn Văn Long
Người soát điểm thứ hai: Nguyễn Văn Long

Phạm Thanh Hà



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

03

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A V 0122	Trần Đoàn Trân	Châu	15/06/2007	Nữ	Kinh	Bình Định	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.4	x	3.60	
2	A B 0124	Hồ Lê Linh	Chi	17/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Lịch sử	8.6	x	4.40	
3	A K 0128	Phạm Hồ Quỳnh	Chi	31/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Đắk Yă, Mang Yang	Tiếng Anh	9.3			x	3.90	
4	A V 0133	Nguyễn Bá	Chuyên	13/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	7.8	x	2.40	
5	A K 0135	Đỗ Thành	Công	24/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	6.80	
6	A H 0142	Huỳnh Đỗ Ngọc	Diễm	15/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.0	Hóa học	8.2	x	5.80	
7	A V 0144	Lê Minh Phạm Thanh	Diễm	19/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.0	x	1.30	
8	T A 0145	Nguyễn Ngọc	Diệp	24/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	THCS thị trấn IaLy, Chư Păh	Toán	9.6	Tiếng Anh	9.5	x	3.70	
9	A K 0147	Ngô Thanh	Diệu	16/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.0			x	1.20	
10	A K 0148	Huỳnh Khánh	Doanh	04/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	4.60	
11	A T 0149	Nguyễn Hoàng	Dung	27/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Toán	9.0	x	3.90	
12	T A 0150	Ngô Thị Mỹ	Dung	10/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.4	x	4.80	
13	A K 0152	Võ Thị Mỹ	Dung	13/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	7.30	
14	A K 0153	Dương Thùy	Dung	25/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	6.00	
15	T A 0156	Phạm Công	Duy	21/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, IaGrai	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.6	x	6.00	
16	T A 0157	Nguyễn Vũ Đức	Duy	23/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.4	Tiếng Anh	9.6	x	6.70	
17	A K 0161	Mai Võ Tấn	Duy	25/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	6.90	
18	A T 0165	Trương Lưu	Duyên	04/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.8	x	7.70	
19	A T 0170	Trần Nguyễn Anh	Dũng	21/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Toán	8.8	x	4.00	
20	A T 0171	Hoàng Hà	Dũng	18/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Toán	9.2	x	5.80	
21	A K 0172	Đỗ Trần Hiếu	Dũng	12/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	7.60	Ba Tiếng Anh
22	T A 0177	Nguyễn Phi	Dũng	21/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.9	x	4.80	
23	A K 0179	Lê Quang	Dũng	07/06/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	8.10	
24	A V 0189	Đoàn Bách Ngân	Dương	15/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.9	x	1.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Nguyễn Văn Long KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Người nhập điểm: Huỳnh N. S. Đức PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn T. Thanh
Người soát điểm thứ hai: Nguyễn T. B. Tuyết

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

04

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A K 0194	Võ Thị Thùy Dương	12/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.5			x	3.10	
2	A V 0198	Trần Phạm Tâm Đan	05/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.4	x	5.20	
3	A K 0202	Lê Nguyễn Anh Đạt	16/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	7.3			x	4.60	
4	A T 0216	Ngô Sĩ Hải Đăng	01/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Toán	9.1	x	6.20	
5	A K 0217	Võ Trương Hải Đăng	14/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	2.80	
6	A V 0223	Đinh Hồng Đông	26/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.0	x	6.10	
7	A K 0225	Văn Anh Đức	02/02/2007	Nam	Kinh	Hải Phòng	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	6.40	
8	A T 0226	Hoàng Hà Đức	18/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.1	x	6.00	
9	A V 0227	Nguyễn Cao Lê Đức	05/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Ngữ văn	8.7	x	3.70	
10	A K 0228	Lê Minh Đức	08/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	8.10	
11	A K 0235	Hoàng Hương Giang	28/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, IaGrai	Tiếng Anh	9.6			x	4.40	
12	A K 0236	Hồ Hương Giang	13/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	6.70	
13	A K 0237	Lê Hương Giang	13/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	2.90	
14	V A 0239	Phạm Nguyễn Hương Giang	17/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	Ngữ văn	7.9	Tiếng Anh	9.1		2.80	
15	A K 0240	Nguyễn Thị Hương Giang	08/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phủ Hòa, Chư Păh	Tiếng Anh	9.7			x	4.90	
16	A K 0245	Hồ Văn Giang	13/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	7.0			x	2.00	
17	A V 0246	Nguyễn Trịnh Bảo Hà	05/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	9.3	x	5.40	
18	A V 0247	Bùi Bích Hà	27/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.0	x	3.30	
19	A L 0248	Lê Thị Hải Hà	26/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.9	Vật lí	9.8	x	8.70	Nhi Tiếng Anh
20	A V 0249	Lê Nguyễn Khánh Hà	12/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	8.6	x	4.50	
21	A V 0250	Trần Ngọc Ngân Hà	03/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	x	4.70	
22	T A 0252	Nguyễn Thị Ngọc Hà	23/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Toán	8.6	Tiếng Anh	8.7	x	1.30	
23	A V 0256	Lê Nguyễn Thảo Hà	15/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.3	x	3.60	
24	A V 0259	Nguyễn Lê Việt Hà	22/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.6	x	6.50	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *Phạm Thanh Hà* KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Nguyễn Văn Long*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Nguyễn Văn Long*

Người soát điểm thứ hai: *Nguyễn Văn Long*

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Long
NGUYỄN VĂN LONG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

05

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A L 0262	Phan Quang Hoàng	Hải	21/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Vật lí	8.1	x	0.70
2	H A 0263	Nguyễn Hồng	Hải	31/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Hóa học	9.5	Tiếng Anh	8.7	x	4.70
3	T A 0266	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	10/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.7	x	4.90
4	T A 0269	Võ Bích	Hằng	17/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.2	Tiếng Anh	8.7	x	3.20
5	A K 0270	Võ Đình Diệu	Hằng	07/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	7.20
6	A V 0271	Đặng Minh	Hằng	13/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.9	x	5.90
7	A V 0272	Lê Võ Minh	Hằng	22/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	7.9	x	2.90
8	A K 0273	Nguyễn Mỹ	Hằng	12/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.20
9	A K 0276	Phan Thanh	Hằng	09/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Đắk Đoa	Tiếng Anh	9.7			x	3.70
10	A K 0277	Nguyễn Trần Thu	Hằng	25/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	6.30
11	A B 0279	Huỳnh Bảo	Hân	06/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	7.8	Lịch sử	9.1	x	1.30
12	T A 0283	Võ Trương Bảo	Hân	01/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.4	Tiếng Anh	8.4	x	2.60
13	V A 0285	Dương Gia	Hân	30/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	Ngữ văn	7.3	Tiếng Anh	9.0	x	2.70
14	A V 0286	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân	15/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.5	x	3.30
15	A K 0287	Lâm Gia	Hân	14/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	2.10
16	A K 0288	Lê Gia	Hân	06/03/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.1				1.60
17	H A 0291	Nguyễn Gia	Hân	11/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	8.7	x	2.70
18	A K 0292	Trần Gia	Hân	10/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x	3.30
19	A K 0296	Chu Nguyễn Ngọc	Hân	15/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	6.30
20	A V 0299	Lê Nguyễn Diệu	Hiền	14/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.8	x	6.80
21	A T 0302	Nguyễn Duy	Hiền	14/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.4	x	8.40
22	A K 0307	Võ Nguyễn Ngọc	Hiếu	24/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	5.90
23	A K 0308	Đỗ Nguyễn Như	Hiếu	23/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.8				7.80
24	A K 0316	Nguyễn Phúc Xuân	Hiếu	24/10/2007	Nữ	Tày	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	5.30

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Nguyễn Văn Long KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Nguyễn Văn Long PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn Văn Long

Người soát điểm thứ hai: Nguyễn Văn Long

Phạm Thanh Hà

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

06

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	H A 0319	Siu H'Nuin	26/04/2007	Nữ	Jrai	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.3	x	4.10	
2	A V 0320	Nguyễn Thị Mai Hoa	10/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Quý Đôn, Phú Thiện	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.7	x	3.80	
3	A T 0323	Nguyễn Thy Bảo Hoàn	26/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Toán	9.3	x	4.70	
4	A D 0328	Huỳnh Huy Hoàng	07/06/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Địa lí	8.3	x	3.90	
5	A B 0329	Nguyễn Huy Hoàng	12/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.7	Lịch sử	8.2	x	2.60	
6	L A 0331	Nguyễn Phạm Huy Hoàng	06/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Vật lí	9.1	Tiếng Anh	9.0	x	4.40	
7	A K 0335	Phạm Thị Kim Hoàng	16/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.2			x	4.40	
8	A V 0337	Nguyễn Lê Hoàng	23/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.8	x	5.90	
9	T A 0338	Nguyễn Minh Hoàng	03/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Toán	9.4	Tiếng Anh	9.8	x	6.40	
10	A K 0345	Hoàng Ngọc Hòa	28/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	5.10	
11	A V 0361	Nguyễn Hoàng Huy	18/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.0	x	6.60	
12	A K 0369	Đoàn Thị Khánh Huyền	11/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	7.50	
13	H A 0370	Trần Khánh Huyền	26/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	8.2	x	4.10	
14	V A 0371	Phạm Thị Minh Huyền	14/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.0	x	2.70	
15	A K 0373	Nguyễn Lê Thanh Huyền	22/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.60	
16	A K 0376	Phạm Thị Thanh Huyền	02/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	2.20	
17	H A 0377	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Hóa học	9.6	Tiếng Anh	8.9		2.80	
18	H A 0383	Nguyễn Thành Bảo Hưng	14/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Hóa học	10.0	Tiếng Anh	9.7	x	6.90	
19	A T 0388	Đỗ Ngọc Gia Hưng	31/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Toán	9.1	x	7.90	
20	A D 0389	Nguyễn Gia Hưng	01/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.7	x	5.10	
21	A L 0391	Trần Đức Huy Hưng	16/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Vật lí	8.1	x	3.40	
22	A K 0392	Cao Cự Nhật Hưng	08/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	Tiếng Anh	7.7			x	1.80	
23	T A 0394	Trịnh Quang Hưng	15/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Toán	9.3	Tiếng Anh	8.1	x	3.10	
24	T A 0395	Võ Tài Hưng	29/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.4		5.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *[Chữ ký]* KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *[Chữ ký]*

Người soát điểm thứ nhất: *[Chữ ký]*

Người soát điểm thứ hai: *[Chữ ký]*

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Chữ ký]
NGUYỄN VĂN LONG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

07

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A T 0399	Phan Thị Thanh	Hương	22/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Toán	9.1	x	3.20	
2	A T 0401	Võ Thiên	Hương	04/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.6	x	7.50	KK Tiếng Anh
3	A B 0405	Nguyễn Bảo	Khang	14/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	9.5	x	2.40	
4	T A 0407	Nguyễn Đăng	Khang	24/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.9	x	8.60	Ba Toán
5	A K 0413	Hoàng Minh	Khang	28/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	7.4			x	1.30	
6	A K 0417	Đặng Trường	Khang	13/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	6.60	
7	A V 0419	Nguyễn Hà Bảo	Khanh	01/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.3	x	6.00	
8	A K 0422	Nguyễn Đặng Quốc	Khanh	19/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x	3.80	
9	H A 0426	Trần Quang	Khải	23/05/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	9.4		4.30	
10	A T 0443	Đoàn Anh	Khoa	08/06/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	Tiếng Anh	9.7	Toán	8.6		7.00	KK Tiếng Anh
11	A K 0448	Nguyễn Trịnh Đăng	Khoa	25/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	7.10	
12	A K 0449	Phạm Minh	Khoa	12/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	6.70	
13	A K 0453	Nguyễn Thân Mai	Khôi	17/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	3.40	
14	V A 0460	Hoàng Bảo	Khuyên	28/08/2007	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung, Kông Chro	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.2	x	2.60	
15	A V 0461	Nguyễn Đức	Kiên	13/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.5	x	3.60	
16	A K 0463	Nguyễn Hữu	Kiên	23/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	4.10	
17	A K 0464	Nguyễn Lê Minh	Kiên	28/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	5.80	
18	A K 0470	Lê Gia	Kiệt	27/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	5.80	
19	A K 0471	Đặng Tuấn	Kiệt	19/11/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	5.80	
20	A K 0477	Bùi Thanh	Lâm	10/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	6.30	
21	A K 0478	Hà Phan Thùy	Lâm	07/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.3			x	7.10	KK Tiếng Anh
22	T A 0479	Nguyễn Tùng	Lâm	16/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Toán	9.6	Tiếng Anh	8.8	x	3.10	
23	V A 0481	Nguyễn Bùi Hoàng	Lê	09/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.6	Tiếng Anh	7.9	x	3.80	
24	A K 0490	Phạm Huyền	Linh	28/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	5.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Nguyễn Văn Long KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Nguyễn Văn Long PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn Văn Long

Người soát điểm thứ hai: Nguyễn Văn Long

Phạm Thanh Hà



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

08

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A T 0493	Hồ Khánh	Linh	05/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh, Đăk Đoa	Tiếng Anh	8.8	Toán	9.3	x	3.40	
2	A V 0496	Lê Võ Khánh	Linh	23/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	9.0	x	3.80	
3	A V 0497	Đặng Bùi Mai	Linh	11/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	9.3	x	5.00	Ba Ngữ văn
4	A K 0499	Dương Nguyễn Mai	Linh	10/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	6.30	
5	V A 0500	Đào Thị Mai	Linh	11/12/2007	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Ngữ văn	8.3	Tiếng Anh	8.5	x	1.80	
6	D A 0502	Vũ Ngọc	Linh	18/03/2007	Nữ	Tày	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Địa lí	9.0	Tiếng Anh	8.3	x	3.50	
7	A V 0505	Nguyễn Kỳ Phương	Linh	26/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.9	x	6.60	
8	A K 0508	Nguyễn Phương	Linh	22/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	5.40	
9	A K 0511	Trịnh Ngọc Thùy	Linh	05/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	7.50	
10	L A 0515	Đỗ Tùng	Linh	13/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Vật lí	9.3	Tiếng Anh	9.2	x	6.40	
11	V A 0518	Nguyễn Việt	Linh	18/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	9.4	x	3.70	KK Ngữ văn
12	A V 0519	Hồ Vũ Việt	Linh	09/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.7	x	4.80	
13	A K 0521	Nguyễn Hoàng	Long	15/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	6.80	Ba Tiếng Anh
14	V A 0526	Lê Nhật	Lộc	22/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	8.0	x	1.80	
15	A K 0528	Nguyễn Phúc	Lộc	23/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Đăk Đoa	Tiếng Anh	8.6			x	1.10	
16	V A 0530	Bùi Xuân	Lộc	07/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Ngữ văn	7.3	Tiếng Anh	7.8	x	1.40	
17	A K 0531	Đỗ Xuân	Lộc	21/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x	5.70	
18	A B 0535	Trần Đức	Lương	27/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Lịch sử	7.4	x	2.60	
19	A K 0536	Nguyễn Hoàng Xuân	Lương	06/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	Tiếng Anh	9.9				7.10	Ba Tiếng Anh
20	A K 0540	Nguyễn Thị Hải	Lý	03/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	5.00	
21	A K 0542	Phan Hoàng	Mai	06/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Đăk Đoa	Tiếng Anh	8.9			x	3.00	
22	A K 0544	Bùi Thị Ngọc	Mai	04/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	7.8				4.20	
23	V A 0546	Hồ Lê Thảo	Mi	06/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	8.8	x	2.60	Ba Ngữ văn
24	A V 0552	Trần Lê Ngọc	Minh	16/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	7.8	x	5.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *Nguyễn Văn Long* KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Nguyễn Văn Long* N. S. Đ. Đ.

Người soát điểm thứ nhất: *Nguyễn Văn Long* N. S. Đ. Đ.

Người soát điểm thứ hai: *Nguyễn Văn Long* N. S. Đ. Đ.

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số: **09**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A L 0554	Đoàn Nhất Minh	01/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Vật lí	10.0	x	7.30	Nhi Tiếng Anh
2	A K 0555	Hồ Nhật Minh	19/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.2			x	3.90	
3	A K 0556	Nguyễn Lê Nhật Minh	24/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	6.30	
4	A K 0557	Nguyễn Quốc Nhật Minh	22/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	8.00	
5	A H 0558	Hà Quang Minh	13/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	9.6	x	3.80	
6	A V 0567	Vũ Quỳnh My	10/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.2		2.90	
7	A K 0569	Huỳnh Thị Thảo My	28/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	4.80	
8	A K 0577	Nguyễn Phan Ái Mỹ	22/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x	2.40	
9	V A 0579	Nguyễn Lê Na	07/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.7	Tiếng Anh	9.0	x	4.60	
10	A K 0583	Dương Phú Hoàng Nam	28/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	6.40	
11	V A 0586	Nguyễn Thanh Nam	14/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	9.6	x	3.70	
12	A K 0591	Đàm Hà Ngân	09/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.8			x	8.00	Nhi Tiếng Anh
13	V A 0592	Phạm Khánh Ngân	16/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Ngữ văn	8.2	Tiếng Anh	7.3	x	2.80	
14	A V 0595	Nguyễn Phương Kim Ngân	10/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.5	x	2.30	
15	V A 0596	Trần Kim Ngân	07/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	7.5	x	2.60	
16	A V 0601	Nguyễn Thảo Ngân	11/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	7.8	Ngữ văn	8.6	x	3.20	
17	A K 0604	Võ Trần Thảo Ngân	01/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.8				3.70	
18	D A 0608	Vũ Thu Ngân	09/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Địa lí	9.6	Tiếng Anh	8.8	x	4.20	
19	V A 0609	Thủy Thùy Ngân	27/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.9	x	3.60	
20	A K 0611	Đỗ Đông Nghi	18/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.7				2.60	
21	A K 0612	Nguyễn Thị Đông Nghi	22/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	5.00	
22	A K 0615	Phạm Hồng Gia Nghi	04/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	5.60	
23	A K 0616	Huỳnh Gia Nghi	26/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	7.90	
24	A K 0617	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	08/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Phạm Hồng Thái, Duxg KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Trần N. S. D. PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: T. Ng. T. Thanh

Người soát điểm thứ hai: Trần N. S. D. Tuyển


Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số: **10**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A K 0620	Phan Trần Gia	Nghi	18/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.20	
2	V A 0622	Phạm Trần Ngọc	Nghi	31/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Ngữ văn	7.9	Tiếng Anh	7.3	x	1.80	
3	V A 0635	Đặng Nguyễn Bảo	Ngọc	17/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	9.0	x	2.10	Nhất Ngữ văn
4	A D 0637	Võ Phan Bảo	Ngọc	27/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Địa lí	9.3	x	2.60	
5	A K 0640	Hồ Bích	Ngọc	02/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	5.70	
6	A K 0641	Hồ Thị Bích	Ngọc	08/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.0			x	2.10	
7	V A 0644	Châu Nguyễn Cẩm	Ngọc	10/06/2007	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.5	x	0.80	
8	A K 0645	Trương Hoài	Ngọc	05/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	3.50	
9	V A 0646	Nguyễn Hồng	Ngọc	18/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Ngữ văn	8.1	Tiếng Anh	7.8	x	1.00	
10	A K 0648	Trần Thị Mai	Ngọc	11/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	Tiếng Anh	9.8			x	4.90	
11	A B 0650	Nguyễn Minh	Ngọc	17/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	9.5	x	3.40	
12	A H 0651	Trần Minh	Ngọc	07/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.1	Hóa học	9.8	x	4.90	
13	H A 0652	Đào Thị Mỹ	Ngọc	06/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Hóa học	9.5	Tiếng Anh	9.5	x	3.40	
14	D A 0654	Lê Quang	Ngọc	31/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Địa lí	8.0	Tiếng Anh	8.2	x	2.10	
15	A K 0655	Hoàng Thanh	Ngọc	11/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	Tiếng Anh	9.8				7.00	Ba Tiếng Anh
16	A V 0656	Bùi Thúy	Ngọc	24/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.8	x	4.00	
17	A K 0659	Nguyễn Vũ Bích	Nguyên	21/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	4.80	
18	V A 0662	Đặng Hạ	Nguyên	12/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Ngữ văn	9.4	Tiếng Anh	9.4	x	5.00	KK Ngữ văn
19	A H 0663	Nguyễn Hoàng	Nguyên	06/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.9	Hóa học	8.9	x	3.70	
20	B A 0664	Nguyễn Hoàng	Nguyên	27/02/2007	Nam	Kinh	Thái Bình	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Lịch sử	9.1	Tiếng Anh	8.5	x	6.50	
21	A K 0665	Lê Nguyễn Hoàng	Nguyên	10/12/2007	Nam	Kinh	Bình Phước	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	4.70	
22	A B 0666	Nhâm Hoàng	Nguyên	18/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Lịch sử	9.1		5.60	
23	A K 0673	Đặng Lê	Nguyên	16/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	7.50	
24	L A 0674	Ngô Ngọc	Nguyên	30/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Vật lí	9.6	Tiếng Anh	9.2	x	6.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Nguyễn Văn S. Duy KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Nguyễn Văn S. Duy PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn Văn T. Thanh

Người soát điểm thứ hai: Nguyễn Văn T. B. Tuyết

Phạm Thanh Hà

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

11

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A T 0675	Phạm Xuân Nhật	Nguyên	18/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	Tiếng Anh	8.8	Toán	7.6		3.60
2	A D 0678	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nguyên	06/09/2007	Nữ	Kinh	Kon Tum	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	9.3	x	5.10
3	A K 0679	Nguyễn Thành	Nguyên	07/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.20
4	A V 0684	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	10/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.9	x	4.90
5	A K 0692	Trần Lê	Nguyễn	16/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	5.30
6	A V 0693	Trần Huỳnh Như	Nguyệt	15/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.6	x	6.30
7	A V 0695	Trần Hoài Thu	Nguyệt	30/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	8.0		7.80 Ba Tiếng Anh
8	H A 0696	Nguyễn Thanh	Nhân	18/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Ia Grai	Hóa học	9.6	Tiếng Anh	9.4	x	2.40
9	A K 0697	Phạm Lê Gia	Nhã	04/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	2.40
10	T A 0699	Nguyễn Hữu	Nhân	09/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.5	x	6.70 Ba Toán
11	A H 0701	Nguyễn Thế	Nhân	21/06/2007	Nam	Kinh	Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Hóa học	9.7	x	5.90
12	A B 0703	Nguyễn Thiện	Nhân	29/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Lịch sử	9.4	x	5.60
13	A T 0708	Lâm Minh	Nhật	18/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Toán	9.7	x	6.70
14	A V 0709	Trần Anh	Nhi	29/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.3	x	2.70
15	A K 0715	Đỗ Nguyễn Khánh	Nhi	07/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	6.10
16	A K 0717	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nhi	04/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.3			x	1.50
17	A V 0719	Võ Nguyễn Nguyên	Nhi	13/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.5	x	6.10
18	A V 0725	Nguyễn Quỳnh	Nhi	23/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	8.7	x	3.60
19	A V 0727	Phạm Thảo	Nhi	15/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.0		7.40
20	A K 0728	Trần Thị Thảo	Nhi	04/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	5.10
21	V A 0729	Nguyễn Thùy	Nhi	17/06/2007	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Ngữ văn	9.5	Tiếng Anh	9.1	x	Vắng Ba Ngữ văn
22	B A 0732	Khuất Bùi Uyên	Nhi	16/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Lịch sử	8.3	Tiếng Anh	8.9	x	1.20
23	A V 0734	Phạm Uyên	Nhi	02/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.6	x	5.70
24	A T 0735	Nguyễn Văn	Nhi	11/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.7	x	6.00

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *[Chữ ký]* KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *[Chữ ký]* PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *[Chữ ký]*

Người soát điểm thứ hai: *[Chữ ký]*

[Chữ ký]
Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

[Chữ ký]
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

12

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A V 0740	Đỗ Nguyễn Yến	Nhi	03/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.5	Ngữ văn	8.0	x	4.30	
2	A K 0742	Phùng Ngọc Ý	Nhiên	05/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.8			x	8.00	
3	A K 0745	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	11/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	7.4			x	Vắng	
4	A B 0749	Lương Tâm	Như	27/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Lịch sử	9.3	x	3.30	
5	H A 0753	Nguyễn Hoàng	Oanh	17/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Pleiku	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.8	x	5.30	
6	A K 0755	Lưu Trần Kiều	Oanh	14/02/2007	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Trần Quốc Tuấn, Đắk Pơ	Tiếng Anh	7.4			x	2.10	
7	T A 0756	Võ Nguyên	Oánh	10/07/2007	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	8.8	Tiếng Anh	8.9	x	5.10	
8	H A 0765	Trần Nguyên	Phong	07/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	9.6	x	5.40	
9	A K 0766	Phạm Trần Nguyên	Phong	21/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	3.30	
10	A L 0775	Dương Quảng	Phú	18/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Vật lí	9.0	x	5.20	
11	A T 0776	Nguyễn Trí	Phú	16/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.3		3.60	
12	A V 0778	Hồ Nguyễn Gia	Phúc	01/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	7.3	x	4.10	
13	A H 0780	Ngô Hồng	Phúc	14/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Hóa học	9.0	x	5.30	
14	A V 0787	Bùi Phạm Hà	Phương	18/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.2	x	3.80	
15	T A 0788	Nguyễn Thị Hà	Phương	06/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Toán	7.7	Tiếng Anh	7.4	x	1.90	
16	A T 0790	Nguyễn Thị Hoài	Phương	24/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Toán	9.3	x	5.40	
17	A T 0792	Mai Thị Kiều	Phương	23/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh, Đắk Đoa	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.6	x	3.30	
18	A V 0793	Lê Linh	Phương	31/12/2007	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.7	x	5.80	
19	A V 0794	Võ Nguyễn Linh	Phương	21/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	7.3	x	2.10	
20	A K 0796	Huỳnh Mai	Phương	25/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	4.80	
21	B A 0797	Nguyễn Thị Mai	Phương	28/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Duẩn, Chư Sê	Lịch sử	8.9	Tiếng Anh	9.0	x	1.40	
22	A K 0798	Tô Ngọc Nam	Phương	27/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.8			x	7.30	Ba Tiếng Anh
23	A V 0800	Trương Hồng Nguyên	Phương	18/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.4	x	2.70	
24	A T 0802	Huỳnh Thị Như	Phương	14/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.3	x	2.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: Đỗ Nguyễn Yến KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Hà PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn Thị Hoài

Người soát điểm thứ hai: Trương Hồng Nguyên

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

13

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A V 0805	Nguyễn Thu Phương	01/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.2	x	7.40	
2	A K 0806	Nguyễn Thu Phương	12/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	6.40	
3	A K 0807	Trần Thu Phương	06/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.3			x	3.40	
4	A K 0810	Nguyễn Việt Phương	12/11/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Toàn, Phú Thiện	Tiếng Anh	8.1				4.60	
5	A V 0811	Đặng Lê Cát Phương	17/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Toàn, Phú Thiện	Tiếng Anh	7.8	Ngữ văn	7.5	x	2.60	
6	A K 0813	Dương Ngọc Quang	19/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	7.00	
7	A B 0814	Nguyễn Nhật Quang	16/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Lịch sử	8.5	x	5.50	
8	H A 0816	Đỗ Xuân Quang	02/09/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Khuyến, Chư Sê	Hóa học	9.8	Tiếng Anh	9.6		3.00	
9	H A 0824	Phạm Nhật Quân	11/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	Hóa học	8.1	Tiếng Anh	9.2	x	3.90	
10	D A 0830	Nguyễn Công Diễm Quỳnh	01/11/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	Địa lí	9.5	Tiếng Anh	9.0	x	2.30	
11	V A 0831	Phạm Nguyễn Diễm Quỳnh	15/05/2007	Nữ	Kinh	Đắk Nông	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	9.4	x	2.30	
12	H A 0833	Nguyễn Khánh Quỳnh	03/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.1	x	Vắng	
13	A K 0834	Vũ Khánh Quỳnh	23/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	3.70	
14	A V 0836	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	03/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.8	x	2.70	
15	A H 0838	Lê Thị Như Quỳnh	26/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Hóa học	9.6	x	5.70	
16	A K 0839	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	5.30	
17	V A 0850	Bùi Ngọc Giáng Sinh	24/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.3	x	4.40	
18	L A 0853	Ngô Quang Sơn	25/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Vật lí	8.2	Tiếng Anh	8.3	x	3.00	
19	A K 0855	Liêu Thế Thái Sơn	26/06/2007	Nam	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	7.7			x	3.70	
20	A K 0859	Đào Sỹ Tài	22/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	7.30	
21	H A 0861	Hoàng Trọng Tài	29/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Hóa học	7.7	Tiếng Anh	8.4	x	4.20	
22	A K 0863	Nguyễn Đoàn Bá Tâm	03/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	3.20	
23	A H 0864	Ngô Công Chí Tâm	27/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Hóa học	6.5	x	4.80	
24	A T 0865	Phạm Hoài Tâm	22/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.7		7.30	
25	L A 0884	Nguyễn Võ Nhật Thành	26/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	Vật lí	10.0	Tiếng Anh	9.4	x	2.80	Nhất Vật lí

(Danh sách này gồm 25 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *[Chữ ký]* KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *[Chữ ký]* PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *[Chữ ký]*

Người soát điểm thứ hai: *[Chữ ký]*

[Chữ ký]
Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Chữ ký]
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

14

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A K 0887	Võ Huỳnh Nhật Thảo	15/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi, Chư Puh	Tiếng Anh	9.3			x	4.80	
2	A V 0888	Cáp Lý Phương Thảo	25/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	8.0	x	5.70	
3	A K 0891	Trần Thị Phương Thảo	17/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chí Thanh, Ia Grai	Tiếng Anh	9.8			x	4.60	
4	A T 0896	Nguyễn Thị Thảo	16/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	9.8	Toán	9.8	x	6.10	
5	A K 0897	Phan Uyên Thảo	20/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	7.70	
6	A K 0902	Ngô Quang Thạch	20/11/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.4			x	3.40	
7	A K 0904	Trà Duy Thắng	19/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	7.90	
8	A K 0906	Nguyễn Xuân Minh Thắng	07/07/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Đề Thám, An Khê	Tiếng Anh	9.1				6.80	Ba Tiếng Anh
9	A H 0908	Nguyễn Thế Thắng	21/06/2007	Nam	Kinh	Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Hóa học	9.4	x	6.00	
10	H A 0911	Tô Tú Thắng	22/08/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Hóa học	9.8	Tiếng Anh	8.9	x	1.70	
11	B A 0913	Trương Hoàng Bảo Thi	12/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Lịch sử	9.7	Tiếng Anh	8.2	x	1.30	
12	A V 0916	Nguyễn Hồng Nhật Thiên	11/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	8.6	x	3.40	
13	A K 0922	Đỗ Duy Thịnh	03/06/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	6.80	
14	A K 0923	Lê Văn Đức Thịnh	11/04/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	4.90	
15	A H 0929	Nguyễn Huy Thọ	09/01/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.9	Hóa học	9.8	x	9.10	Nhi Tiếng Anh
16	A K 0930	Lê Minh Thông	14/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	8.5			x	4.40	
17	A T 0934	Phạm Nguyễn Quỳnh Thơ	10/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.8	Toán	9.7	x	8.30	
18	V A 0936	Nguyễn Thị Minh Thu	27/11/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Ngữ văn	8.7	Tiếng Anh	9.1	x	2.90	
19	V A 0940	Lê Trương Minh Thuận	15/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Ngữ văn	8.7	Tiếng Anh	8.6	x	3.90	
20	A K 0941	Phạm Hoàng Minh Thùy	03/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x	2.10	
21	A V 0942	Phạm Phương Thùy	31/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.6	x	8.40	Nhất Tiếng Anh
22	A K 0945	Lê Thị Thanh Thúy	26/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	Tiếng Anh	9.9				7.30	KK Tiếng Anh
23	A K 0946	Lê Anh Thư	09/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	6.80	
24	H A 0948	Nguyễn Anh Thư	06/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.2	x	6.20	
25	A L 0950	Hồ Thị Anh Thư	15/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Vật lý	8.3	x	4.40	

(Danh sách này gồm 25 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *[Chữ ký]*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *[Chữ ký]*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *[Chữ ký]*

Người soát điểm thứ hai: *[Chữ ký]*

[Chữ ký]
Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Chữ ký]
NGUYỄN VĂN LONG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A K 0952	Trần Thị Anh	Thư	15/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.8		x	1.40	
2	A D 0956	Lô Nguyễn Khánh	Thư	02/11/2007	Nữ	Nùng	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	8.4	Địa lí	8.4	x	1.30
3	A K 0959	Phạm Nguyễn Minh	Thư	17/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.9		x	1.50	
4	A V 0960	Phạm Minh	Thư	03/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.8	x	2.80
5	A K 0963	Trần Thị Minh	Thư	20/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.8		x	4.10	
6	A K 0968	Đỗ Hoài	Thương	10/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.3		x	3.40	
7	A K 0969	Đỗ Lê Hoài	Thương	08/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Yên	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.5			1.40	
8	A H 0972	Trịnh Hoài	Thương	09/02/2007	Nữ	Kinh	Nam Định	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	9.5	x	5.00
9	A V 0974	Nguyễn Thị Minh	Thương	11/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.4	x	2.90
10	A V 0975	Nguyễn Tuyết Anh	Thy	07/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.7	x	7.70
11	T A 0978	Phạm Nguyễn Quỳnh	Thy	10/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.5	x	3.20
12	A V 0979	Nguyễn Nho Ngọc	Tiên	22/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Sê	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	7.6	x	3.30
13	A K 0980	Nguyễn Đăng Thủy	Tiên	13/07/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.9		x	7.50	
14	A K 0982	Mai Thủy	Tiên	18/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			5.20	
15	T A 0987	Nguyễn Thị	Tiên	13/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Toán	8.5	Tiếng Anh	9.0	x	3.00
16	A K 0990	Đoàn Đức	Tín	16/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kôngchro	Tiếng Anh	9.2		x	4.80	
17	A K 0992	Nguyễn Minh	Tín	27/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.1		x	2.60	
18	H A 0999	Nguyễn Thị Phương	Trang	13/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Thường Kiệt, Pleiku	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	9.3	x	1.60
19	V A 1002	Bành Thùy	Trang	28/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.0	x	2.80
20	A K 1003	Trần Nguyễn Thùy	Trang	17/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.3		x	1.30	
21	V A 1006	Dư Bảo	Trâm	04/12/2007	Nữ	Kinh	Bình Định	Chu Văn An, Mang Yang	Ngữ văn	9.0	Tiếng Anh	8.1	x	2.90
22	A V 1007	Lê Hồ Bảo	Trâm	11/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.3	x	3.40
23	A V 1008	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	01/11/2007	Nữ	Kinh	Kon Tum	Trần Phú, Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Ngữ văn	8.7	x	3.10
24	A V 1010	Phạm Lê Bảo	Trâm	23/01/2007	Nữ	Kinh	Hà Nội	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.7	x	7.60
25	A K 1011	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	17/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	Tiếng Anh	8.7		x	2.70	

(Danh sách này gồm 25 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *Đỗ Lê Hoài*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

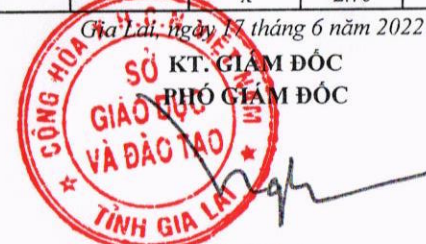
Người nhập điểm: *Đỗ Lê Hoài*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Lê Hoài*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Lê Hoài*

Phạm Thanh Hà



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

16

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	A K 1012	Trần Bích Trâm	05/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	2.40	
2	A V 1013	Tô Trần Huyền Trâm	08/08/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.1	Ngữ văn	8.3	x	3.70	
3	A K 1014	Bùi Lê Minh Trâm	29/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	7.30	
4	D A 1016	Trần Thảo Trâm	30/04/2007	Nữ	Kinh	Phú Yên	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Địa lí	8.2	Tiếng Anh	9.3	x	2.40	
5	V A 1017	Lê Bảo Trân	11/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	9.1	x	1.90	
6	A K 1018	Nguyễn Lê Bảo Trân	13/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Pleiku	Tiếng Anh	9.2				3.90	
7	A T 1019	Đặng Ngọc Bảo Trân	16/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.4		6.40	
8	A K 1029	Nguyễn Minh Trí	21/05/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	Tiếng Anh	9.5			x	5.80	
9	A K 1033	Ngô Xuân Trung	15/08/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	8.2			x	3.60	
10	H A 1035	Hoàng Thanh Trúc	02/07/2007	Nữ	Tày	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	9.0	x	2.20	
11	A V 1036	Nguyễn Thanh Trúc	28/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	9.1	x	5.10	
12	A K 1038	Phan Thị Thanh Trúc	07/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.3			x	2.30	
13	A H 1046	Lê Gia Tuệ	14/11/2007	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Hóa học	9.2	x	3.50	
14	A K 1047	Hoàng Tuệ	14/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	7.7			x	3.50	
15	A K 1048	Nguyễn Thị Minh Tuệ	20/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	4.80	
16	H A 1049	Châu Thị Thanh Tuyền	10/09/2007	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	Hóa học	9.6	Tiếng Anh	9.9	x	2.10	
17	A K 1052	Vũ Ngọc Cẩm Tú	17/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Hiền, Đức Cơ	Tiếng Anh	10.0				6.70	KK Tiếng Anh
18	A V 1055	Nguyễn Võ Khánh Tường	17/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Ngữ văn	8.7	x	3.60	
19	A T 1057	Nguyễn Đức Uy	12/12/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Toán	8.3	x	2.90	
20	A K 1058	Lê Hoàng Nhã Uyên	26/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.5			x	3.90	
21	A K 1060	Nguyễn Văn Nhã Uyên	20/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	5.70	
22	A K 1061	Nguyễn Bùi Phương Uyên	10/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	2.50	
23	A K 1062	Lê Phương Uyên	10/03/2007	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Quốc Toàn, Phú Thiện	Tiếng Anh	9.3			x	1.80	
24	A D 1064	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	28/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Địa lí	9.4	x	3.20	
25	A K 1066	Phan Ngô Phương Uyên	25/03/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	5.70	

(Danh sách này gồm 25 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người đọc điểm: *Nguyễn Văn Long*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Người nhập điểm: *Nguyễn Văn Long*

Người soát điểm thứ nhất: *Nguyễn Văn Long*

Người soát điểm thứ hai: *Nguyễn Văn Long*

Phạm Thanh Hà

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2022 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

Phòng thi số:

17

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Điểm thi	Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			
1	V A 1067	Lê Thị Phương Uyên	29/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Ngữ văn	8.6	Tiếng Anh	8.4	x	2.90	
2	A D 1071	Trần Nguyễn Thục Uyên	15/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.0	Địa lí	8.2	x	1.20	
3	A K 1072	Đặng Thị Tố Uyên	28/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	6.60	
4	A D 1073	Thái Thị Tố Uyên	25/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.0	Địa lí	9.7		4.80	
5	L A 1075	Nguyễn Thị Mỹ Vân	03/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Vật lí	9.0	Tiếng Anh	9.1	x	4.50	
6	A K 1076	Võ Nguyệt Tâm Vân	06/04/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	5.00	
7	A K 1077	Nguyễn Thị Thanh Vân	14/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	3.60	
8	A K 1081	Lê Võ Thảo Vi	04/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGraí	Tiếng Anh	9.6				5.00	
9	V A 1082	Nguyễn Tứ Vi	18/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	Ngữ văn	8.6	Tiếng Anh	8.1	x	1.80	
10	T A 1083	Trần Thị Tú Viên	07/12/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.5	x	5.30	
11	A K 1084	Nguyễn Hoàng Việt	10/01/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	Tiếng Anh	9.1				5.20	
12	A K 1089	Trần Xuân Vinh	01/03/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, IaGraí	Tiếng Anh	8.5			x	2.30	
13	A V 1090	Lê Nguyễn Công Vũ	28/02/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	Kpă Klong, Chư Prông	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.3	x	1.10	
14	H A 1093	Phan Vũ	19/08/2007	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	Hóa học	10.0	Tiếng Anh	9.1	x	6.00	Nhi Hóa học
15	A K 1094	Lê Huỳnh Tấn Vũ	14/10/2007	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.9			x	7.90	
16	A T 1097	Lại Nguyễn Bảo Vy	31/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.7	x	5.10	
17	A D 1098	Lưu Hồ Gia Vy	13/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.2	x	5.70	
18	T A 1103	Nguyễn Thị Lê Vy	05/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	Toán	8.9	Tiếng Anh	8.1	x	2.00	
19	A K 1104	Trần Ngọc Linh Vy	16/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x	5.60	
20	A K 1106	Hà Ngọc Vy	12/06/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	3.20	
21	V A 1111	Nguyễn Thị Huyền Vỹ	26/05/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi, Chư Prông	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.7	x	1.90	
22	A V 1114	Nguyễn Thị Như Xuân	25/01/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.2	x	1.30	
23	A V 1115	Võ Nguyễn Bình Yên	14/10/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	Tiếng Anh	8.3	Ngữ văn	8.4	x	1.80	
24	A K 1124	Quách Như Ý	13/09/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Quý Đôn, Mang Yang	Tiếng Anh	9.1			x	4.80	
25	A V 1125	Bùi Thị Như Ý	08/02/2007	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Ngữ văn	8.2	x	4.00	

(Danh sách này gồm 25 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

[Chữ ký]

Phạm Thanh Hà

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2022
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Chữ ký]
[Chữ ký]

Nguyễn Văn Long